

DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
1	414220001	Nguyễn Thao Ái	Nam	01/01/2004	22CNN01	Bậc 3 (B1) Anh
2	411220001	Đinh Văn An	Nam	08/08/2004	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
3	412220214	Hồ Lê An	Nữ	03/10/2004	22CNATMCLC02	Bậc 3 (B1) Trung
4	411220412	Nguyễn Hà An	Nữ	20/11/2004	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh
5	411210586	Nguyễn Thùy Phước Ân	Nữ	22/02/2003	21CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh
6	411210415	Đậu Lê Phương Anh	Nữ	02/11/2003	21CNA08	Bậc 5 (C1) Anh
7	411220385	Trương Trịnh Quỳnh Anh	Nữ	06/11/2004	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh
8	411220156	Lê Loan Anh	Nữ	03/03/2004	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh
9	412220268	Đỗ Thị Vân Anh	Nữ	09/10/2003	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh
10	412220215	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	10/02/2003	22CNATMCLC02	Bậc 3 (B1) Hàn
11	412220186	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	18/04/2004	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
12	411220471	Võ Huỳnh Ngọc Anh	Nữ	30/05/2003	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh
13	411220510	Phạm Hoàng Minh Anh	Nữ	15/10/2004	22CNATT02	Bậc 3 (B1) Hàn
14	411220384	Lê Thị Phương Anh	Nữ	20/11/2004	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh
15	417230224	Phạm Quỳnh Anh	Nữ	04/05/2005	23CNTL01	Bậc 3 (B1) Anh
16	411230463	Dương Mỹ Phương Anh	Nữ	10/01/2005	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh
17	412220241	Trần Thị Tú Anh	Nữ	16/03/2004	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh
18	417230112	Trịnh Thị Lan Anh	Nữ	07/10/2005	23CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật
19	412230042	Trần Thị Phương Anh	Nữ	05/12/2005	23CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh
20	411220041	Trương Công Anh	Nam	01/08/2004	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
21	412220188	Lê Thị Lan Anh	Nữ	20/10/2004	22CNATMCLC01	Bậc 3 (B1) Hàn
22	415230001	Trần Văn Ban	Nam	06/01/1984	23BHTCTQ01	Bậc 3 (B1) Anh
23	411230270	Trần Thị Ngọc Bích	Nữ	03/12/2005	23CNA07	Bậc 5 (C1) Anh
24	411230232	Nguyễn Phan Thanh Bình	Nam	16/11/2005	23CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
25	411200769	Nguyễn Vũ Châu	Nữ	21/12/2002	20CNACLC07	Bậc 5 (C1) Anh
26	411220082	Lê Quỳnh Châu	Nữ	27/09/2003	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh
27	417220137	Nguyễn Lê Bảo Châu	Nữ	21/07/2004	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật
28	413230052	Nguyễn Thị Minh Châu	Nữ	01/01/2005	23CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp
29	412230246	Thái Thị Linh Chi	Nữ	06/05/2005	23CNATM04	Bậc 5 (C1) Anh
30	411220195	Thái Linh Chi	Nữ	11/02/2004	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
31	412220243	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	01/10/2004	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh
32	411230657	Nguyễn Phạm Lam Chinh	Nữ	18/01/2005	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh
33	417220174	Phan Thị Chung	Nữ	18/02/2004	22CNJ02	Bậc 5 (C1) Nhật

DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
34	411200798	Nguyễn Lê Linh Đan	Nữ	14/06/2002	20CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh
35	419230003	Trần Khánh Đan	Nữ	09/10/2005	23SPA01	Bậc 5 (C1) Anh
36	411220044	Nguyễn Thị Hải Đăng	Nữ	07/09/2004	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
37	412200341	Dương Tấn Đạt	Nam	28/01/2002	20CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh
38	411220159	Hứa Thùy Diệu	Nữ	17/08/2004	22CNA05	Bậc 3 (B1) Trung
39	419220003	Lô Thị Huyền Diệu	Nữ	06/02/2004	22SPA01	Bậc 5 (C1) Anh
40	411230038	Trần Thị Phương Diệu	Nữ	09/09/2005	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
41	411220389	Nguyễn Vy Khánh Đoan	Nữ	11/06/2004	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh
42	412200167	Thái Thị Dung	Nữ	26/10/2002	20CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh
43	413230005	Phan Thị Hạnh Dung	Nữ	08/08/2005	23CNP01	Bậc 3 (B1) Anh
44	411220006	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	28/01/2004	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
45	412210086	Hồ Khả Thủy Dương	Nữ	25/12/2003	21CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh
46	417222141103	Nguyễn Khánh Dương	Nam	01/01/1994	14CNH02	Bậc 4 (B2) Hàn
47	411210126	Nguyễn Thị Khánh Duy	Nữ	15/10/2003	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
48	411210211	Nguyễn Hạnh Duyên	Nữ	31/07/2003	21CNA03	Bậc 5 (C1) Anh
49	411210709	Phan Thị Duyên	Nữ	16/04/2002	21CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh
50	411190516	Ngô Nguyễn Thùy Duyên	Nữ	10/05/2001	19CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh
51	411190514	Hồ Lý Thảo Duyên	Nữ	20/11/2001	19CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh
52	413220035	Nguyễn Thị Thùy Duyên	Nữ	05/11/2004	22CNPDL01	Bậc 3 (B1) Anh
53	412220335	Nguyễn Phạm Kiều Duyên	Nữ	16/02/2004	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh
54	411210650	Lê Thị Quỳnh Duyên	Nữ	11/06/2003	21CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh
55	412220006	Hoàng Thị Mỹ Duyên	Nữ	23/01/2004	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh
56	411230196	Phạm Thị Thùy Duyên	Nữ	19/11/2004	23CNA05	Bậc 5 (C1) Anh
57	412220046	Phan Nguyễn Ái Duyên	Nữ	17/09/2004	22CNADL02	Bậc 3 (B1) Trung
58	412220244	Nguyễn Hoàng Châu Duyên	Nữ	20/07/2004	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn
59	411200193	Dương Thị Hương Giang	Nữ	25/12/2002	20CNA04	Bậc 5 (C1) Anh
60	412210179	Bùi Thị Hương Giang	Nữ	10/02/2003	21CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
61	411200279	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	Nữ	07/10/2002	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
62	411210591	Đinh Đỗ Quỳnh Giang	Nữ	02/03/2003	21CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh
63	411230469	Trần Thị Linh Giang	Nữ	20/06/2005	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh
64	411210337	Lê Thị Hương Giang	Nữ	08/12/2003	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
65	411220161	Đinh Thị Hà Giang	Nữ	17/03/2004	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh
66	411210296	Trần Thị Quý Giàu	Nữ	23/02/2003	21CNA05	Bậc 5 (C1) Anh

**DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI
KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026**

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
67	412210090	Nguyễn Thị Vân Hà	Nữ	20/02/2003	21CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh
68	411230119	Phạm Thị Hà	Nữ	23/04/2005	23CNA03	Bậc 5 (C1) Anh
69	414220009	Mai Thị Hải Hà	Nữ	16/05/2004	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga
70	411230545	Hồ Thị Thu Hà	Nữ	16/09/2005	23CNA14	Bậc 5 (C1) Anh
71	411220477	Trần Thị Kim Hạ	Nữ	20/12/2004	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh
72	412200254	Dương Thế Gia Hân	Nữ	14/07/2002	20CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
73	411230353	Võ Thị Kim Hân	Nữ	11/12/2005	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh
74	411200590	Nguyễn Ngọc Hân	Nữ	10/07/2002	20CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh
75	411220516	Nguyễn Hữu Bảo Hân	Nữ	18/10/2004	22CNATT02	Bậc 3 (B1) Nhật
76	412230211	Trương Đình Quỳnh Hân	Nữ	06/08/2005	23CNATM03	Bậc 3 (B1) Hàn
77	411200281	Phạm Thị Thúy Hằng	Nữ	12/03/2001	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
78	411190087	Lê Thị Hằng	Nữ	15/08/2001	19CNA03	Bậc 5 (C1) Anh
79	412190546	Trần Thị Thanh Hằng	Nữ	02/03/2001	19CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh
80	414220012	Mai Thúy Hằng	Nữ	06/07/2003	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga
81	412220273	Lê Thanh Hằng	Nữ	29/03/2004	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh
82	417230045	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	07/06/2005	23CNH02	Bậc 3 (B1) Anh
83	412180709	Đỗ Thị Thúy Hằng	Nữ	15/07/2000	18CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh
84	411180716	Trần Thị Hạnh	Nữ	14/02/2000	18CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh
85	411220419	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Nữ	14/06/2004	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh
86	413220007	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	30/09/2004	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp
87	412210009	Trần Hiền	Nam	01/12/2003	21CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh
88	411190553	Nguyễn Thị Thúy Hiền	Nữ	01/11/2001	19CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh
89	412220047	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	06/10/2004	22CNADL02	Bậc 3 (B1) Hàn
90	411170181	Võ Thị Thanh Hiền	Nữ	20/06/1999	17CNA09	Bậc 5 (C1) Anh
91	419230031	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	26/09/2005	23SPP01	Bậc 5 (C1) Pháp
92	417220114	Nguyễn Đoàn Diệu Hiền	Nữ	18/07/2004	22CNHCLC01	Bậc 5 (C1) Hàn
93	412230213	Phan Thị Hiền	Nữ	02/10/2005	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh
94	411230198	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	07/09/2005	23CNA05	Bậc 5 (C1) Anh
95	411220392	Nguyễn Minh Hiền	Nữ	05/04/2004	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh
96	412240172	Đặng Thị Bảo Hòa	Nữ	01/11/2006	24CNATM02	Bậc 3 (B1) Trung
97	412230009	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	01/02/2005	23CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh
98	412170212	Nguyễn Thị Phương Hoàng	Nữ	20/03/1999	18CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh
99	412210094	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	14/08/2003	21CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
100	411220126	Lê Thị Thu Hồng	Nữ	29/09/2004	22CNA04	Bậc 3 (B1) Trung
101	419230009	Đỗ Thị Hồng	Nữ	07/03/2005	23SPA01	Bậc 5 (C1) Anh
102	411200524	Nguyễn Thị Huế	Nữ	16/04/2002	20CNA12	Bậc 5 (C1) Anh
103	411200239	Ngô Thị Ngọc Huế	Nữ	12/08/2002	20CNA05	Bậc 5 (C1) Anh
104	411200450	Đỗ Thị Huệ	Nữ	30/01/2002	20CNA10	Bậc 5 (C1) Anh
105	411210653	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	11/07/2003	21CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh
106	412220247	Nguyễn Thị Thu Huệ	Nữ	14/09/2004	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh
107	411200740	Đinh Đại Việt Hùng	Nam	14/07/2002	20CNA13	Bậc 5 (C1) Anh
108	412220301	Mai Thuận Hưng	Nam	02/04/2004	22CNATMĐT01	Bậc 3 (B1) Nhật
109	411180740	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	22/07/2000	18CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh
110	411210426	Trần Thị Lan Hương	Nữ	17/04/2003	21CNA08	Bậc 5 (C1) Anh
111	411200075	Nguyễn Thị Hương	Nữ	20/08/2002	20CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
112	411220011	Lê Thanh Quỳnh Hương	Nữ	16/05/2004	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
113	417220143	Nguyễn Thị Hồng Hường	Nữ	10/07/2004	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật
114	412220009	Lê Thị Hường	Nữ	11/02/2004	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh
115	412200009	Huỳnh Long Huy	Nam	11/12/2002	20CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh
116	411230240	Nguyễn Huỳnh Minh Huy	Nam	16/10/2005	23CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
117	412230218	Vũ Thị Ngọc Huyền	Nữ	19/02/2005	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh
118	411230045	Lê Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	02/03/2005	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
119	412220194	Hoàng Vĩnh Khánh Huyền	Nữ	22/12/2004	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
120	416220079	Lê Nguyễn Diễm Huyền	Nữ	08/01/2004	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn
121	412210272	Mai Khánh Huyền	Nữ	22/07/2003	21CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh
122	411230241	Trương Thị Thanh Huyền	Nữ	11/09/2005	23CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
123	417230156	Mai Phạm Khải Huyền	Nữ	15/08/2005	23CNJ02	Bậc 3 (B1) Anh
124	411220203	Phan Thị Huyền	Nữ	10/09/2004	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
125	412230133	Trần Thị Như Huỳnh	Nữ	01/01/2005	23CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh
126	412220248	Trịnh Hoàng Minh Khai	Nữ	14/01/2004	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh
127	413230011	Võ Nguyên Khang	Nam	11/11/2005	23CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp
128	414220046	Ngô Vĩnh Khang	Nam	25/02/2004	22CNNDL01	Bậc 5 (C1) Nga
129	412220195	Nguyễn Hoàng Vy Khanh	Nữ	30/06/2004	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
130	412220085	Trịnh Bảo Khanh	Nữ	25/08/2004	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
131	411220242	Lâm Mai Bảo Khanh	Nam	23/08/2004	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh
132	411220204	Nguyễn Tuấn Khanh	Nam	10/12/2004	22CNA06	Bậc 3 (B1) Trung

DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
133	413220039	Trần Phùng Vân Khánh	Nữ	18/02/2004	22CNPDL01	Bậc 5 (C1) Pháp
134	411210218	Trần Văn Khoa	Nam	29/01/2003	21CNA03	Bậc 2 (A2) Nhật
135	414220047	Võ Ngọc Đăng Khoa	Nam	04/11/2004	22CNNDL01	Bậc 5 (C1) Nga
136	411230436	Nguyễn Kao Sao Khuê	Nữ	13/05/2005	23CNA11	Bậc 5 (C1) Anh
137	412220051	Hồ Thị Liên Khương	Nữ	07/10/2004	22CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh
138	411230588	Nguyễn Bảo Khuyên	Nữ	08/10/2005	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh
139	411230589	Phạm Hồng Kỳ	Nam	01/01/2005	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh
140	413210051	Nguyễn Hiếu Thảo Lam	Nữ	23/11/2003	21CNPDL01	Bậc 4 (B2) Pháp
141	411210177	Phạm Phương Lan	Nữ	10/05/2003	21CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
142	412230176	Bùi Thị Hương Lan	Nữ	16/07/2005	23CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh
143	411210512	Trịnh Thị Mỹ Lan	Nữ	06/08/2003	21CNA10	Bậc 5 (C1) Anh
144	411170265	Trương Thị Lành	Nữ	14/07/1999	17CNA12	Bậc 5 (C1) Anh
145	411220395	Nguyễn Thị Tri Lễ	Nữ	15/02/2004	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh
146	411230049	Đậu Thị Nhật Lệ	Nữ	27/10/2005	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
147	416230009	Huỳnh Ngô Thị Liên	Nữ	27/04/2005	23CNDPH01	Bậc 2 (A2) Trung
148	415220049	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Nữ	02/04/2004	22CNTTM01	Bậc 3 (B1) Anh
149	411210716	Bùi Trúc Linh	Nữ	30/07/2003	21CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh
150	411180770	Bùi Diệu Linh	Nữ	10/08/2000	18CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh
151	411180774	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	11/07/2000	18CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh
152	411200120	Lê Huyền Linh	Nữ	27/01/2002	20CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
153	411200712	Nguyễn Thị Thủy Linh	Nữ	12/09/2002	20CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh
154	411210745	Lê Việt Linh	Nữ	15/06/2003	21CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh
155	412240217	Ngô Thị Diệu Linh	Nữ	19/05/2006	24CNATM03	Bậc 3 (B1) Trung
156	411230514	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	02/09/2005	23CNA13	Bậc 5 (C1) Anh
157	411220481	Cao Thị Khánh Linh	Nữ	02/08/2004	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh
158	411220281	Lê Phương Linh	Nữ	10/04/2004	22CNA08	Bậc 5 (C1) Anh
159	411220521	Nguyễn Phan Nhật Linh	Nữ	25/02/2004	22CNATT02	Bậc 3 (B1) Hàn
160	416220044	Bùi Thị Thùy Linh	Nữ	03/05/2004	22CNDPH01	Bậc 2 (A2) Hàn
161	411230591	Nguyễn Thị Linh	Nữ	15/02/2005	23CNA15	Bậc 5 (C1) Anh
162	411230051	Trần Thị Khánh Linh	Nữ	23/09/2005	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
163	411220319	Lê Khánh Linh	Nữ	23/09/2004	22CNA09	Bậc 5 (C1) Anh
164	411220054	Ngô Thị Mỹ Linh	Nữ	10/08/2004	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
165	416230011	Lê Thị Linh	Nữ	19/08/2005	23CNDPH01	Bậc 2 (A2) Thái

DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
166	411220483	Trần Thị Khánh Linh	Nữ	06/09/2004	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh
167	419220010	Đỗ Thị Phương Linh	Nữ	02/10/2004	22SPA01	Bậc 3 (B1) Trung
168	416220152	Võ Cao Hoàng Linh	Nữ	21/09/2004	22CNQTH02	Bậc 3 (B1) Anh
169	411220014	Huỳnh Ngọc Thùy Linh	Nữ	04/03/2004	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
170	417230193	Phan Thị Nhật Linh	Nữ	08/07/2003	23CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật
171	411220053	Trần Thị Trà Linh	Nữ	20/09/2004	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
172	411220452	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	25/11/2004	22CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh
173	411230515	Võ Thùy Linh	Nữ	17/04/2005	23CNA13	Bậc 5 (C1) Anh
174	411220396	Nguyễn Đình Linh	Nam	29/05/2004	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh
175	411220424	Đậu Nguyễn Yến Linh	Nữ	16/01/2004	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh
176	411220244	Nguyễn Nhật Linh	Nữ	09/11/2004	22CNA07	Bậc 5 (C1) Trung
177	412220196	Cao Kiều Ngọc Linh	Nữ	08/07/2003	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
178	412200052	Trần Nguyễn Thanh Long	Nam	11/09/2002	20CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh
179	416220081	Phạm Bảo Long	Nam	30/04/2004	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn
180	411230667	Trần Đình Long	Nam	08/04/2005	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh
181	412220252	Vũ Trần Long	Nam	10/09/2004	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn
182	411200598	Đinh Thị Mai Lưu	Nữ	23/01/2002	20CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh
183	412230018	Võ Thị Mỹ Ly	Nữ	25/11/2005	23CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh
184	411220055	Nguyễn Cao Hoài Ly	Nữ	19/07/2004	22CNA02	Bậc 3 (B1) Hàn
185	412220198	Nguyễn Thị Ly Ly	Nữ	23/12/2004	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
186	416220049	Triệu Ly	Nữ	25/01/2004	22CNDPH01	Bậc 2 (A2) Nhật
187	411220094	Trần Hoàng Lý	Nữ	19/06/2004	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh
188	411200168	Phạm Thị Ngọc Mai	Nữ	29/05/2002	21CNA03	Bậc 5 (C1) Anh
189	417220052	Phạm Thị Xuân Mai	Nữ	10/04/2004	22CNH02	Bậc 5 (C1) Hàn
190	417220241	Trần Thị Thanh Mai	Nữ	07/02/2004	22CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật
191	415240125	Nguyễn Thụy Xuân Mai	Nữ	10/03/2006	24CNT04	Bậc 3 (B1) Anh
192	412220227	Nguyễn Trần Phương Mai	Nữ	20/08/2004	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh
193	411220208	Nguyễn Huệ Mẫn	Nữ	12/06/2004	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
194	411220246	Lò Thị Mận	Nữ	22/12/2004	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh
195	411230671	Nguyễn Lê Giáng Mi	Nữ	11/06/2005	23CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh
196	412220306	Phan Thị Minh	Nữ	01/01/2004	22CNATMĐT01	Bậc 3 (B1) Hàn
197	412220253	Lương Nhật Minh	Nữ	21/09/2004	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn
198	411200370	Trần Thị Trà My	Nữ	09/09/2002	20CNA08	Bậc 5 (C1) Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
199	411190629	Đỗ Thảo My	Nữ	09/02/2001	19CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh
200	411210349	Nguyễn Phương My	Nữ	28/02/2003	21CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
201	412180803	Nguyễn Thị Diệu My	Nữ	07/03/2000	18CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh
202	412210148	Trịnh Thị Trà My	Nữ	29/03/2003	21CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh
203	411210628	Huỳnh Bùi Kiều My	Nữ	18/12/2003	21CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh
204	411230052	Hà Thị Thảo My	Nữ	28/10/2005	23CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
205	411220171	Huỳnh Nguyễn Thị Trà My	Nữ	14/09/2004	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh
206	412220281	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	04/06/2004	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh
207	411210688	Phạm Nguyễn Trà My	Nữ	19/02/2003	21CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh
208	412220280	Trần Thị Diệu My	Nữ	23/02/2004	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh
209	415230105	Lê Thị Thảo My	Nữ	16/02/2005	23CNTTM02	Bậc 3 (B1) Anh
210	412220228	Ngô Thị Trà My	Nữ	13/06/2004	22CNATMCLC02	Bậc 3 (B1) Hàn
211	411220095	Nguyễn Hà My	Nữ	23/08/2004	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh
212	412210103	Võ Thị Mỹ	Nữ	14/04/2003	21CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh
213	411200599	Võ Thị Linh Na	Nữ	14/04/2002	20CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh
214	419230013	Hứa Thị Ly Na	Nữ	24/08/2005	23SPA01	Bậc 5 (C1) Anh
215	419230033	Nguyễn Huyền Ly Na	Nữ	23/08/2005	23SPP01	Bậc 5 (C1) Pháp
216	412220282	Nguyễn Kiều Ly Na	Nữ	30/07/2004	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh
217	411220247	Trần Thị Lê Na	Nữ	03/02/2004	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh
218	411230363	Lê Thị Ngọc Na	Nữ	13/09/2005	23CNA09	Bậc 3 (B1) Hàn
219	412210058	Phạm Thị Nga	Nữ	20/07/2003	21CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh
220	417220218	Nguyễn Linh Nga	Nữ	18/01/2004	22CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật
221	411220398	Nguyễn Thị Tổ Nga	Nữ	02/11/2004	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh
222	411210748	Trần Thị Thanh Ngân	Nữ	20/05/2003	21CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh
223	411220210	Trần Thị Thảo Ngân	Nữ	21/11/2004	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
224	411220019	Lữ Thị Thúy Ngân	Nữ	12/12/2004	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
225	413230014	Nguyễn Thị Tường Ngân	Nữ	01/01/2005	23CNP01	Bậc 3 (B1) Anh
226	412210018	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	10/01/2003	21CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh
227	417220149	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	10/10/2004	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật
228	411220362	Trần Thị Tuyết Ngân	Nữ	16/06/2004	22CNA10	Bậc 3 (B1) Hàn
229	411220426	Võ Thị Thanh Ngân	Nữ	19/11/2004	22CNACLC02	Bậc 3 (B1) Hàn
230	412210248	Nguyễn Thị Thuý Ngàn	Nữ	18/04/2003	21CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh
231	411210435	Phạm Bích Ngọc	Nữ	25/03/2003	21CNA08	Bậc 5 (C1) Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
232	411200809	Nguyễn Lâm Bảo Ngọc	Nữ	17/10/2002	20CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh
233	411210477	Trần Thị Bảo Ngọc	Nữ	01/01/2003	21CNA09	Bậc 5 (C1) Anh
234	416220086	Đoàn Thị Minh Ngọc	Nữ	16/03/2004	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn
235	416230182	Ngô Trần Bảo Ngọc	Nữ	01/01/2005	23CNQTH03	Bậc 3 (B1) Anh
236	416220051	Trần Thị Hồng Ngọc	Nữ	20/08/2004	22CNDPH01	Bậc 2 (A2) Hàn
237	412220167	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	19/08/2004	22CNATM02	Bậc 3 (B1) Trung
238	412220130	Lê Đoàn Trang Nguyên	Nữ	23/07/2004	22CNATM01	Bậc 3 (B1) Hàn
239	414220019	Đỗ Thị Kim Nguyên	Nữ	13/04/2004	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga
240	419230015	Hồ Thị Thảo Nguyên	Nữ	22/03/2005	23SPA01	Bậc 5 (C1) Anh
241	411220529	Phạm Thị Thảo Nguyên	Nữ	19/12/2004	22CNATT02	Bậc 3 (B1) Hàn
242	411210226	Ngô Thị Minh Nguyệt	Nữ	12/04/2003	21CNA03	Bậc 5 (C1) Anh
243	412200182	Lê Thị Minh Nguyệt	Nữ	19/11/2002	20CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh
244	412220169	Trần Thanh Nguyệt	Nữ	06/04/2004	22CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh
245	416230137	Bùi Thị Thanh Nhã	Nữ	24/09/2005	23CNQTH02	Bậc 3 (B1) Anh
246	411220138	Nguyễn Thị Ngọc Nhã	Nữ	23/04/2004	22CNA04	Bậc 5 (C1) Anh
247	411200534	Lê Thị Thanh Nhân	Nữ	17/04/2002	20CNA12	Bậc 5 (C1) Anh
248	411190675	Nguyễn Thành Nhật	Nam	14/12/2001	19CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh
249	417230199	Nguyễn Xuân Nhật	Nữ	06/09/2005	23CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật
250	411200501	Trần Thị Xuân Nhi	Nữ	24/10/2002	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh
251	411200500	Puih Linh Nhi	Nữ	02/02/2002	20CNA11	Bậc 5 (C1) Anh
252	411200600	Nguyễn Linh Nhi	Nữ	20/06/2002	20CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh
253	412230227	Trịnh Thị Thảo Nhi	Nữ	31/07/2005	23CNATM03	Bậc 3 (B1) Hàn
254	412230191	Lê Thị Yến Nhi	Nữ	21/09/2005	23CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh
255	416220090	Nguyễn Thị Thảo Nhi	Nữ	06/01/2004	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn
256	417220244	Kiều Thị Quỳnh Nhi	Nữ	02/08/2004	22CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật
257	411220457	Trần Nguyễn Quỳnh Nhi	Nữ	01/05/2004	22CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh
258	411220062	Trần Thị Tuyết Nhi	Nữ	04/08/2004	22CNA02	Bậc 3 (B1) Trung
259	411230444	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	28/01/2005	23CNA11	Bậc 5 (C1) Anh
260	411230366	Đặng Yến Nhi	Nữ	20/01/2005	23CNA09	Bậc 3 (B1) Trung
261	411220365	Trần Thị Mỹ Nhi	Nữ	09/10/2004	22CNA10	Bậc 3 (B1) Hàn
262	419230035	Nguyễn Thị Linh Nhi	Nữ	14/02/2005	23SPP01	Bậc 5 (C1) Pháp
263	412230224	Dư Uyển Nhi	Nữ	25/11/2005	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh
264	412220230	Nguyễn Trần Yến Nhi	Nữ	02/12/2004	22CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
265	421240062	Nguyễn Ngọc Nhi	Nữ	15/02/2006	24CNH02	Bậc 3 (B1) Anh
266	417230201	Lê Uyên Nhi	Nữ	10/08/2004	23CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật
267	412220310	Nguyễn Trần Yến Nhi	Nữ	23/07/2004	22CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh
268	411210479	Nguyễn Thị Kiều Nhiên	Nữ	17/04/2003	21CNA09	Bậc 5 (C1) Anh
269	411210521	Dương Thị Quỳnh Như	Nữ	23/09/2003	22CNA10	Bậc 2 (A2) Hàn
270	417210174	Huỳnh Trần Quỳnh Như	Nữ	10/01/2003	21CNHCLC01	Bậc 4 (B2) Hàn
271	412230228	Bùi Thị Ngọc Như	Nữ	06/01/2005	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh
272	412220132	Nguyễn Thị Thảo Như	Nữ	02/02/2004	22CNATM01	Bậc 3 (B1) Hàn
273	412220259	Phạm Thị Quỳnh Như	Nữ	07/03/2004	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh
274	411220429	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	13/03/2001	22CNACL02	Bậc 5 (C1) Anh
275	417230202	Hồ Quỳnh Như	Nữ	15/10/2005	23CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật
276	411210144	Nguyễn Thị Xuân Nhung	Nữ	11/04/2003	21CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
277	412190686	Lê Thị Tý Nhung	Nữ	20/04/2001	19CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh
278	412220204	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	09/10/2004	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
279	411200634	Ngô Thị Hồng Nhung	Nữ	26/07/2002	20CNACL03	Bậc 5 (C1) Anh
280	417220221	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	Nữ	13/03/2001	22CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật
281	411230522	Đào Nguyễn Thúy Nhung	Nữ	31/12/2005	23CNA13	Bậc 5 (C1) Anh
282	411200210	Võ Thị Hồng Ni	Nữ	21/05/2002	20CNA04	Bậc 5 (C1) Anh
283	411220494	H Bân Niê	Nữ	05/10/2004	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh
284	412200183	Nguyễn Thị Nữ	Nữ	02/08/2002	20CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh
285	411200693	Lê Thị Bảo Ny	Nữ	28/07/2002	20CNACL05	Bậc 5 (C1) Anh
286	411230211	Huỳnh Thị Yến Ny	Nữ	10/05/2005	23CNA05	Bậc 5 (C1) Anh
287	412240153	Lê Thị Oanh	Nữ	12/05/2006	24CNATM01	Bậc 4 (B2) Anh
288	411230368	Trần Thị Oanh	Nữ	27/04/2005	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh
289	414220023	Lê Thị Hoàng Oanh	Nữ	15/03/2004	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga
290	419230036	Phan Thị Kim Oanh	Nữ	03/11/2005	23SPP01	Bậc 5 (C1) Pháp
291	413220018	Nguyễn Thị Kim Oanh	Nữ	05/01/2004	22CNP01	Bậc 5 (C1) Pháp
292	411220367	Nguyễn Hoàng Phong	Nam	13/07/2004	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh
293	411210605	Nguyễn Trịnh Hồng Phúc	Nữ	09/08/2003	21CNACL01	Bậc 5 (C1) Anh
294	415230009	Trần Lê Hồng Phúc	Nữ	24/01/1991	23BHTCTQ01	Bậc 3 (B1) Anh
295	412220260	Nguyễn Thiên An Phúc	Nữ	29/02/2004	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn
296	411210567	Trần Thị Phương	Nữ	20/03/2003	21CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh
297	411220216	Phạm Thị Minh Phương	Nữ	06/07/2004	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
298	417220247	Nguyễn Mai Phương	Nữ	30/10/2004	22CNJTM01	Bậc 5 (C1) Nhật
299	416230021	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	06/08/2005	23CNDPH01	Bậc 3 (B1) Anh
300	411230561	Mai Thị Minh Phương	Nữ	16/09/2005	23CNA14	Bậc 5 (C1) Anh
301	411220430	Trịnh Thị Hà Phương	Nữ	26/02/2004	22CNACLC02	Bậc 5 (C1) Anh
302	411210724	Lê Thị Như Phương	Nữ	11/07/2003	21CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh
303	413220074	Huỳnh Trần Thanh Phương	Nữ	30/09/2004	22CNPTTSK01	Bậc 5 (C1) Pháp
304	411230369	Vũ Thị Thu Phương	Nữ	22/08/2005	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh
305	417220188	Nguyễn Mai Phương	Nữ	17/06/2004	22CNJ02	Bậc 5 (C1) Nhật
306	412220205	Lê Thị Bích Phương	Nữ	18/06/2004	22CNATMCLC01	Bậc 3 (B1) Hàn
307	417220057	Hồ Thị Phương	Nữ	18/05/2002	22CNH02	Bậc 5 (C1) Hàn
308	412230102	Nguyễn Trọng Anh Quân	Nam	14/09/2005	23CNADL03	Bậc 3 (B1) Hàn
309	412220206	Hồ Hoàng Ánh Hào Quang	Nam	26/08/2004	22CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
310	411220141	Trịnh Công Quý	Nam	06/08/2004	22CNA04	Bậc 5 (C1) Anh
311	412200294	Nguyễn Mỹ Quyên	Nữ	05/02/2002	20CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh
312	411200384	Huỳnh Thị Lệ Quyên	Nữ	05/09/2002	20CNA08	Bậc 5 (C1) Anh
313	411210441	Đinh Hằng Quyên	Nữ	15/08/2002	21CNA08	Bậc 5 (C1) Anh
314	412200263	Trần Thị Ánh Quyên	Nữ	20/08/2002	20CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
315	411210755	Mai Thị Lệ Quyên	Nữ	28/09/2003	21CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh
316	413230019	Phạm Hoàng Tiểu Quyên	Nữ	18/05/2005	23CNP01	Bậc 3 (B1) Anh
317	415220060	Lê Thị Tú Quyên	Nữ	06/04/2004	22CNTTM01	Bậc 3 (B1) Anh
318	411230642	Nguyễn Thị Thảo Quyên	Nữ	31/10/2005	23CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh
319	412220261	Nguyễn Thị Bảo Quyên	Nữ	13/05/2004	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn
320	411210696	Vũ Thị Như Quỳnh	Nữ	26/06/2003	21CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh
321	416220091	Nguyễn Lê Trúc Quỳnh	Nữ	07/10/2004	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn
322	411230449	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	24/08/2005	23CNA11	Bậc 5 (C1) Anh
323	411220104	Nguyễn Phương Quỳnh	Nữ	02/08/2004	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh
324	411220066	Trần Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	19/05/2004	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
325	411220460	Nguyễn Diễm Quỳnh	Nữ	01/02/2004	22CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh
326	411220534	Nguyễn Như Phương Quỳnh	Nữ	23/06/2003	22CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh
327	411220065	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	19/05/2004	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
328	412220096	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	10/10/2004	22CNADLCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
329	411220181	Lê Thị Sang	Nữ	20/06/2004	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh
330	412200108	Huỳnh Thị Minh Tâm	Nữ	16/07/2002	20CNADL03	Bậc 5 (C1) Anh

**DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI
KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026**

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
331	411220219	Lê Thị Mỹ Tâm	Nữ	02/08/2004	22CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
332	412230146	Văn Thủy Tâm	Nữ	04/03/2005	23CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh
333	415230112	Nguyễn Võ Minh Tâm	Nữ	09/02/2005	23CNTTM01	Bậc 3 (B1) Anh
334	411210756	Cao Tổ Tâm	Nữ	19/01/2003	21CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh
335	411200341	Ksor Thẩm	Nữ	10/03/2002	20CNA07	Bậc 5 (C1) Anh
336	414220028	Nguyễn Phú Thắng	Nam	30/04/2004	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga
337	411220371	Nguyễn Ngọc Thắng	Nam	01/01/2003	22CNA10	Bậc 3 (B1) Hàn
338	412200264	Phan Thị Minh Thanh	Nữ	14/06/2002	20CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
339	411210193	Hà Huy Hoàng Thành	Nam	02/11/2003	21CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
340	411220068	Lê Thị Trí Thành	Nữ	20/09/2004	22CNA02	Bậc 3 (B1) Trung
341	412200265	Trần Ngọc Nhật Thảo	Nữ	11/06/2002	20CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
342	411220498	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	27/10/2004	22CNATT01	Bậc 5 (C1) Anh
343	411220029	Phạm Huỳnh Nhật Thảo	Nữ	03/11/2004	22CNA01	Bậc 3 (B1) Trung
344	411220537	Hoàng Thị Thảo	Nữ	13/02/2004	22CNATT02	Bậc 5 (C1) Anh
345	412230070	Phan Thị Thu Thảo	Nữ	12/08/2005	23CNADL02	Bậc 3 (B1) Hàn
346	411220069	Phạm Thị Thanh Thảo	Nữ	21/10/2004	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
347	416220166	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	27/08/2004	22CNQTH02	Bậc 3 (B1) Anh
348	417250091	Trần Phương Thảo	Nữ	24/10/2007	25CNJTM01	Bậc 3 (B1) Anh
349	412210285	Hoàng Khánh Thi	Nữ	17/10/2003	21CNATMCLC03	Bậc 2 (A2) Trung
350	411220146	Nguyễn Đình Anh Thiên	Nam	10/10/2002	22CNA04	Bậc 5 (C1) Anh
351	411220335	Nguyễn Thị Hiếu Thiện	Nữ	28/12/2004	23CNA09	Bậc 3 (B1) Trung
352	411190756	Trần Đức Thịnh	Nam	27/02/2001	19CNACLC04	Bậc 5 (C1) Anh
353	411220373	Nguyễn Thị Hồng Thoa	Nữ	03/08/2004	22CNA10	Bậc 3 (B1) Hàn
354	411190372	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	24/01/2001	19CNA08	Bậc 5 (C1) Anh
355	421240073	Lưu Thị Thơm	Nữ	18/09/2006	24CNH02	Bậc 3 (B1) Anh
356	411220222	Huỳnh Minh Thông	Nam	16/09/2004	22CNA06	Bậc 3 (B1) Nhật
357	411200306	Nguyễn Nhật Thư	Nữ	28/04/2002	20CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
358	412220323	Huỳnh Ngọc Anh Thư	Nữ	20/06/2004	22CNATMĐT01	Bậc 5 (C1) Anh
359	412220031	Lê Trần Anh Thư	Nữ	18/09/2004	22CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh
360	411230375	Nguyễn Thanh Thư	Nữ	27/05/2005	23CNA09	Bậc 5 (C1) Anh
361	412220290	Bùi Ngọc Anh Thư	Nữ	09/12/2004	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh
362	411230567	Lê Minh Thư	Nữ	10/03/2005	23CNA14	Bậc 3 (B1) Pháp
363	414220031	Huỳnh Thị Anh Thư	Nữ	11/10/2004	22CNN01	Bậc 5 (C1) Nga

DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
364	411190402	Trần Hoài Thương	Nữ	20/03/2001	19CNA03	Bậc 5 (C1) Anh
365	412230152	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	09/12/2005	23CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh
366	417220157	Lê Thị Thương	Nữ	28/11/2004	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật
367	411220071	Nguyễn Thị Thương	Nữ	16/07/2004	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
368	411200140	Đinh Thuy	Nữ	28/02/2001	20CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
369	412210257	Trần Thị Ngọc Thúy	Nữ	02/01/2003	21CNATMCLC02	Bậc 5 (C1) Anh
370	411190770	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	01/02/2001	19CNACLC05	Bậc 5 (C1) Anh
371	411220186	Huỳnh Lê Phương Thúy	Nữ	28/03/2004	22CNA05	Bậc 5 (C1) Anh
372	411220433	Đào Phương Thủy	Nữ	28/04/2004	22CNACLC02	Bậc 3 (B1) Hàn
373	411200720	Đỗ Thị Thanh Thủy	Nữ	08/01/2002	20CNACLC06	Bậc 5 (C1) Anh
374	411180530	Trần Thị Thu Thủy	Nữ	01/02/2000	18CNA07	Bậc 5 (C1) Anh
375	416230027	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	18/09/2005	23CNDPH01	Bậc 2 (A2) Trung
376	415230205	Nguyễn Thị Hương Thủy	Nữ	22/02/1992	23BHTCTQ02	Bậc 3 (B1) Anh
377	411230454	Lê Thị Thanh Thủy	Nữ	12/11/2005	23CNA11	Bậc 5 (C1) Anh
378	412220265	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	16/12/2003	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh
379	412220073	Phạm Thị Thanh Thủy	Nữ	29/11/2004	22CNADL02	Bậc 3 (B1) Hàn
380	411170631	Trương Ngọc Tiên	Nữ	04/04/1999	17CNA07	Bậc 5 (C1) Anh
381	411220406	Đặng Thị Quế Tiên	Nữ	04/11/2004	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh
382	412230072	Nguyễn Lê Trà Tiên	Nữ	10/10/2005	23CNADL02	Bậc 3 (B1) Trung
383	412210035	Nguyễn Thanh Tiên	Nam	05/07/2003	21CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh
384	417220158	Nguyễn Thủy Tiên	Nữ	12/02/2004	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật
385	412220142	Trần Ngọc Thủy Tiên	Nữ	12/08/2004	22CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh
386	412210076	Hồ Thị Anh Tiên	Nữ	07/03/2003	21CNADL02	Bậc 5 (C1) Anh
387	411220262	Lê Bùi Bảo Tín	Nam	27/03/2004	22CNA07	Bậc 3 (B1) Trung
388	411220463	Hồ Minh Toàn	Nam	10/08/2004	22CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh
389	419220020	Trần Thị Ngọc Trà	Nữ	01/06/2004	22SPA01	Bậc 3 (B1) Trung
390	412220292	Lê Thị Thanh Trà	Nữ	26/11/2004	22CNATMCLC04	Bậc 5 (C1) Anh
391	411210730	Đặng Ngọc Trâm	Nữ	21/07/2003	22CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh
392	412200273	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	07/12/2001	20CNATMCLC01	Bậc 5 (C1) Anh
393	411220112	Nguyễn Trần Khánh Trâm	Nữ	09/09/2004	22CNA03	Bậc 3 (B1) Hàn
394	411220434	Trịnh Thị Ngọc Trâm	Nữ	21/03/2004	22CNACLC02	Bậc 3 (B1) Hàn
395	411210198	Huỳnh Thị Bích Trâm	Nữ	30/05/2003	21CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
396	411220376	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	08/04/2004	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
397	411220073	Nguyễn Thị Bảo Trâm	Nữ	26/08/2004	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
398	417220227	Trần Dương Phương Trâm	Nữ	16/10/2004	22CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật
399	411210283	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	Nữ	08/07/2003	21CNA04	Bậc 5 (C1) Anh
400	412220266	Phạm Hà Bảo Trân	Nữ	04/10/2004	22CNATMCLC03	Bậc 5 (C1) Anh
401	412230111	Dương Phạm Huyền Trân	Nữ	14/12/2004	23CNADL03	Bậc 3 (B1) Hàn
402	411220264	Phan Nguyễn Quế Trân	Nữ	20/01/2004	22CNA07	Bậc 5 (C1) Anh
403	415230207	Phan Thùy Trang	Nữ	10/04/2001	23BHTCTQ02	Bậc 3 (B1) Anh
404	411190958	Hoàng Thị Trang	Nữ	17/04/2000	19CNA03	Bậc 5 (C1) Anh
405	411200472	Phạm Thị Trang	Nữ	17/11/2002	20CNA10	Bậc 5 (C1) Anh
406	411200791	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	01/01/2002	20CNACLC07	Bậc 5 (C1) Anh
407	411200549	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	13/04/2002	20CNA12	Bậc 5 (C1) Anh
408	411190789	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	16/10/2001	19CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh
409	411220407	Phạm Thị Trang	Nữ	20/10/2004	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh
410	411220377	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	10/02/2003	22CNA10	Bậc 5 (C1) Anh
411	411220303	Đoàn Nguyễn Thiện Trí	Nam	11/04/2004	22CNA08	Bậc 3 (B1) Trung
412	416230159	Huỳnh Trương Minh Triết	Nam	14/12/2005	23CNQTH02	Bậc 3 (B1) Anh
413	411200819	Đỗ Nữ Hoàng Trinh	Nữ	18/04/2002	20CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh
414	411220505	Lê Thị Kim Trinh	Nữ	05/09/2004	22CNATT01	Bậc 3 (B1) Trung
415	412220036	Nguyễn Lê Tuyết Trinh	Nữ	23/02/2004	22CNADL01	Bậc 3 (B1) Trung
416	417230070	Võ Thị Diệu Trinh	Nữ	30/05/2005	23CNH02	Bậc 3 (B1) Anh
417	411220035	Trần Thị Trinh	Nữ	14/04/2004	22CNA01	Bậc 5 (C1) Anh
418	411230497	Lê Văn Trục	Nam	01/09/2005	23CNA12	Bậc 5 (C1) Anh
419	411220379	Phạm Nguyễn Đình Trung	Nam	03/10/2004	22CNA10	Bậc 3 (B1) Hàn
420	412230238	Nguyễn Anh Tú	Nữ	23/10/2005	23CNATM03	Bậc 5 (C1) Anh
421	412210039	Đặng Tuân	Nam	08/03/2003	21CNADL01	Bậc 5 (C1) Anh
422	412220183	Lại Anh Tuấn	Nam	29/04/2004	22CNATM02	Bậc 3 (B1) Trung
423	412220329	Đinh Quang Tuấn	Nam	21/07/2004	22CNATMĐT01	Bậc 3 (B1) Hàn
424	419200027	Lê Hạ Vĩnh Tuyền	Nữ	01/01/2002	20SPT01	Bậc 4 (B2) Trung
425	411220466	Đặng Thị Tuyết	Nữ	06/01/2004	22CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh
426	412230277	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	08/09/2005	23CNATM04	Bậc 5 (C1) Anh
427	411180967	Trần Thảo Uyên	Nữ	11/06/2000	18CNACLC03	Bậc 5 (C1) Anh
428	412220144	Đặng Mỹ Uyên	Nữ	18/09/2004	22CNATM01	Bậc 5 (C1) Anh
429	411230574	Nguyễn Phương Uyên	Nữ	10/12/2004	23CNA14	Bậc 3 (B1) Hàn

**DANH SÁCH SINH VIÊN HOÀN THÀNH THỦ TỤC DỰ THI
KỲ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ, ĐỢT THI 19.07.2026**

STT	Mã SV	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Cấp độ dự thi
430	419230044	Dương Nguyễn Phương Uyên	Nữ	24/05/2005	23SPP01	Bậc 5 (C1) Pháp
431	415230121	Huỳnh Đỗ Lan Uyên	Nữ	04/07/2003	23CNTTM02	Bậc 3 (B1) Anh
432	412220267	Trần Đỗ Tô Uyên	Nữ	14/12/2004	22CNATMCLC03	Bậc 3 (B1) Hàn
433	416220067	Lê Thị Tú Uyên	Nữ	30/12/2004	22CNDPH01	Bậc 2 (A2) Hàn
434	411250523	Hồ Nguyễn Tường Uyên	Nữ	11/12/2007	25CNA13	Bậc 5 (C1) Anh
435	411200820	Trần Thị Hồng Vân	Nữ	10/01/2002	20CNACLC08	Bậc 5 (C1) Anh
436	412220184	Lê Thị Ngọc Vân	Nữ	27/05/2004	22CNATM02	Bậc 5 (C1) Anh
437	415230123	Nguyễn Thị Thu Vân	Nữ	22/02/2005	23CNT02	Bậc 3 (B1) Anh
438	411220115	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	24/01/2004	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh
439	411220410	Trần Tường Văn	Nữ	24/09/2004	22CNACLC01	Bậc 5 (C1) Anh
440	416220179	Phùng Thị Thảo Vi	Nữ	10/03/2004	22CNQTH02	Bậc 3 (B1) Anh
441	411230226	Hồ Hoàng Vũ	Nam	30/07/2004	23CNA05	Bậc 5 (C1) Anh
442	411230745	Lê Vương	Nam	29/06/1991	23BHTC02	Bậc 3 (B1) Trung
443	415210047	Phạm Nguyễn Thảo Vy	Nữ	10/04/2003	21CNTDL01	Bậc 3 (B1) Anh
444	411210204	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	Nữ	04/02/2003	21CNA02	Bậc 5 (C1) Anh
445	411180630	Phạm Thị Hà Vy	Nữ	03/03/2000	18CNA06	Bậc 5 (C1) Anh
446	416220099	Trần Thị Thảo Vy	Nữ	20/05/2004	22CNDPHCLC01	Bậc 2 (A2) Hàn
447	411220116	Hồ Thị Trúc Vy	Nữ	29/06/2004	22CNA03	Bậc 5 (C1) Anh
448	412220294	Lê Ngọc Ái Vy	Nữ	15/01/2004	22CNATMCLC04	Bậc 3 (B1) Hàn
449	417220169	Nguyễn Thị Tường Vy	Nữ	20/12/2004	22CNJ01	Bậc 5 (C1) Nhật
450	419230045	Huỳnh Giao Xuân	Nữ	09/02/2005	23SPP01	Bậc 5 (C1) Pháp
451	416220073	Bùi Thị Như Ý	Nữ	23/08/2004	22CNDPH01	Bậc 2 (A2) Trung
452	417200058	Hoàng Hải Yến	Nữ	23/09/2002	21CNJCLC01	Bậc 5 (C1) Nhật
453	411220078	Nguyễn Trần Bảo Yến	Nữ	20/10/2004	22CNA02	Bậc 5 (C1) Anh